BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **381**/QĐ-CĐCNHY

Hưng Yên, ngày 10 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP HƯNG YÊN

Căn cứ Quyết định số 10130/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 về việc hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên *(theo phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐ Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, P.TCKT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Ngọc

Đơn vị: Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên
Chương: 016

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 381/QĐ-CĐCNHY ngày 10/7/2023 của Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên)

Số TT	Nội dung	Dự toán năm *(triệu đồng)*	Ước thực hiện *(triệu đồng)*	Ước thực hiện/ Dự toán năm *(tỷ lệ %)*	Ước thực hiện so với cùng kỳ năm trước *(tỷ lệ %)*
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	**Số giao dự toán ngân sách nhà nước**	**23.212,48**	**7.407,80**	31,9	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	*23.212,48*	*7.407,80*	31,9	
	- Kinh phí nghiên cứu KHCN				
	Chi tiết theo loại, khoản				
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	***22.812,48***	***7.407,80***	32,5	
1	GDNN trình độ cao đẳng: Loại 070 khoản 093 (Kinh phí chi thường xuyên chi lương và bộ máy)	12.000,00	6.917,98	57,6	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	*12.000,00*	*6.917,98*	57,6	
2	GDNN trình độ cao đẳng: Loại 070 khoản 093 (Kinh phí thực hiện Nghị định 81 miễn, giảm học phí)	10.811,88	489,82		
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	*10.811,88*	*489,82*	4,5	
	Trong đó:+ Kinh phí năm trước chuyển sang	*511,88*			
	+ Kinh phí năm hiện hành	*10.300,00*			
3	GDNN trình độ cao đẳng: Loại 070 khoản 093 (Kinh phí thực hiện QĐ53/2015/QĐ-TTg)	0,60	0	0	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	*0,60*	*0*	0	
	Trong đó:+ Kinh phí năm trước chuyển sang	*0,60*			
	+ Kinh phí năm hiện hành	*0,00*			
	Kinh phí Chương trình Mục tiêu quốc gia	***400,00***	***0***	0	
	Kinh phí CTMTQG Xây dựng nông thôn mới – Sự nghiệp kinh tế - Loại 280-309 (Mã CT: 00493)	400,00	0	0	
	- Kinh phí thực hiện tự chủ				
	- Kinh phí thực hiện không tự chủ	*400,00*	*0*	0	